

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đạt Phương.

Ông Nguyễn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Lê N - Kiểm Sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Như N, sinh năm: 1999; (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Khu D, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1999; (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 08 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn bà Lê Thị Như N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Như N và ông Nguyễn Duy T chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 2018. Đến ngày 11/7/2019, ông bà mới đăng ký kết hôn tại xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114; đăng ký ngày 11/7/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, bà Lê Thị Như N không có gửi đơn yêu cầu địa phương hòa giải cũng như không có gửi đơn yêu cầu Tòa án nào giải quyết.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lê Thị Như N và ông Nguyễn Duy T có 01 người con chung tên Nguyễn Duy Anh K, nam, sinh ngày 29/11/2019. Từ khi bà Lê Thị Như N và ông T sống ly thân cho đến nay, cháu K do bà Lê Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Như N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Duy Anh K, nam, sinh ngày 29/11/2019 đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay, bà Lê Thị Như N làm Nail và bán hàng online nên thu nhập mỗi tháng ổn định hơn 20.000.000 đồng đủ điều kiện để chăm lo cho cuộc sống của bà Lê Thị Như N và con nên bà Lê Thị Như N không yêu cầu ông Nguyễn Duy T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Như N trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn bà Lê Thị Như N thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn ông Nguyễn Duy T không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị Như N được ly hôn với ông Nguyễn Duy T; Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Duy Anh K, nam, sinh ngày 29/11/2019 cho bà Lê Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Như N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn bà Lê Thị Như N khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Duy T; địa chỉ đường N, Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Như N, Hội đồng xét xử thấy:

Bà Lê Thị Như N và ông Nguyễn Duy T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114; đăng ký ngày 11/7/2019, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Tại thời điểm kết hôn thì bà Lê Thị Như N và ông Nguyễn Duy T đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, bà N và ông T có thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Bà N cho rằng, ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tòa án đã ra thông báo về phiên hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ 02 (hai) lần nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Như vậy, theo quy định trên thì bà N và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Lê Thị Như N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Duy T là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: bà Lê Thị Như N trình bày, trong thời gian bà và ông Nguyễn Duy T chung sống có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Duy Anh K, nam, sinh ngày 29/11/2019. Từ khi ông, bà sống ly thân cho đến nay, cháu K do bà N trực tiếp nuôi dưỡng nên bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K đến khi đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Duy Anh K chưa đủ 36 tháng tuổi và từ khi ông bà sống ly thân cho đến nay, cháu K được bà Lê Thị Như N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Như N, giao cháu Nguyễn Duy Anh K cho bà Lê Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Do đó, ông Nguyễn Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Lê Thị Như N trình bày bà có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con không yêu cầu ông Nguyễn Duy T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Như N tự khai, không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Như N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Như N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Như N được ly hôn ông Nguyễn Duy T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Duy Anh K, nam, sinh ngày 29/11/2019 cho bà Lê Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Lê Thị Như N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Như N tự khai, không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Lê Thị Như N phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000489, ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lê Thị Như N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Nguyên đơn bà Lê Thị Như N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và bị đơn ông Nguyễn Duy T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND xã T, huyện M;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thuý Uyên